TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2023
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Duyên Văn Hiền**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H** trình bày:

Về hôn nhân:

Ông và bà L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Sơn Đ, sinh ngày 06/8/1997 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/6/2002.

Hiện các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà **Nguyễn Hồng L**:

Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến như tại đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về sự vắng mặt của đương sự: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, còn nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện T.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

Về hôn nhân:

Ông H và bà L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, nên về mặt hôn nhân được xem là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống:

Ông H và bà L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc đến nhau, nên ông H mới nộp đơn ly hôn với bà L.

Đối với bà L vắng mặt, không tham gia tố tụng và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gì trước yêu cầu ly hôn của ông H.

Cho thấy, bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H kiên quyết ly hôn với bà L.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét, mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản, nợ: Ông H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Ông H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 7100 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nguyên đơn nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, 238, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 19, 51, 56, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

1/ Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Hồng L.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành.

3/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 7100 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nguyên đơn nộp xong).

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ Về nghĩa vụ thi hành án: "Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang